



gē qǔ
歌曲

Noun · song

Example Sentences

qǐng bō fàng xià yì shǒu gē qǔ
请播放下一首歌曲。

Please play the next song.

tā biān zǒu biān hēng chàng xǐ huan de gē qǔ
她边走边哼唱喜欢的歌曲。

She hums her favorite song while walking.

zhè ge yìng yòng chéng xù kě yǐ zì dòng bō fàng xià yì shǒu gē qǔ
这个应用程序可以自动播放下一首歌曲。

This app can automatically play the next song.

Trace each character, then write the word on your own.

歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌
歌	歌	歌	歌	歌	歌					
曲	曲	曲	曲	曲	曲	曲	曲	曲		